

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 1635/2025/DS-ST
Ngày 30/9/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phúc Duy Khang

Bà Nguyễn Thị Lượng

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang - là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2025/TLST-DS ngày 03/02/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1783/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2702/2025/QĐST-DS ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam, địa chỉ trụ sở: Tòa nhà S, số ***, phường S (phường B, Quận * trước đây), Thành phố Hồ Chí Minh - Người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thu T- có mặt.

Bị đơn: Ông Phan Hữu H, sinh năm 1988, Địa chỉ: Số ** đường H, khu phố *, phường L (phường L, thành phố X trước đây), Thành phố Hồ Chí Minh- vắng mặt.

Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1989, địa chỉ: ***, Tầng *, Khu dân cư L, khu phố **, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh- vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) ký với ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 7091303.21 ngày 10/12/2021, số tiền giải ngân: 1,000,000,000 (Một tỷ) đồng, mục đích giải ngân: Thanh toán tiền mua xe ô tô con, thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 12/12/2021 đến ngày 11/12/2026, lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,9%/năm; Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 3,9%/năm; Trả nợ gốc vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên ngày 10/01/2022, mỗi kỳ trả 16,670, 000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ; Trả nợ lãi vào ngày 10 hàng tháng, trả phí theo quy định của VIB từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. VIB đã giải ngân cho ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A theo đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ ngày 10/12/2021 với số tiền 1,000,000,000 đồng

Đề nghị phát hành thẻ ngày 07/01/2022, với nội dung: VIB cấp cho ông Phan Hữu H thẻ tín dụng VIB Happy Drive, hạn mức 100,000,000 đồng, lãi suất, phí theo biểu phí và điều khoản, điều kiện thẻ tín dụng từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A đã đã vi phạm nội dung thỏa thuận theo hợp đồng đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 10/4/2023

Tạm tính đến ngày 05/6/2024, ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A đã thanh toán cho VIB số tiền là 378,772,341 đồng (trong đó: gốc là 267,050,000 đồng, lãi là 111,722,341 đồng).

Tính đến ngày 30/9/2025 ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A còn nợ khoản tiền thẻ tín dụng là 171.427.688 đồng, trong đó: tiền gốc: 93.704.128 đồng, nợ lãi quá hạn: 44.819.790 đồng, nợ phí: 32.903.770 đồng; khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 7091303.21 ngày 10/12/2021 là 1.087.193.496, đồng, trong đó: tiền nợ gốc: 732.950.000 đồng, lãi trong hạn: 90.299.805, lãi quá hạn: 263.943.691 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày ngày 30/9/2025 là: 1.258.621.184 (một tỷ hai trăm năm mươi tám triệu sáu trăm hai mươi một nghìn một trăm tám mươi bốn) đồng.

2. Ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn, phí kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 7091303.21 ngày 10/12/202, khế ước nhận nợ ngày 10/12/2021 và Đơn đề nghị phát hành thẻ ngày 07/01/2022.

Bị đơn ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt, không có bản khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia Tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần khắc phục.

Về giải quyết vụ án: đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Phan Hữu H cư trú tại phường L, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A theo quy định của pháp luật nhưng đương sự nói trên vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng vắng mặt, không có bản khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn, do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do tòa án thu thập, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A có vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 7091303.21 ngày 10/12/2021, khế ước nhận nợ ngày 10/12/2021 và Đơn đề nghị phát hành thẻ ngày 07/01/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A đã vi phạm nội dung thỏa thuận theo hợp đồng đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 10/4/2023

Tính đến ngày 30/9/2025 ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A còn nợ khoản tiền thẻ tín dụng là 171.427.688 đồng, trong đó: tiền gốc: 93.704.128

đồng, nợ lãi: 44.819.790 đồng, nợ phí: 32.903.770 đồng; khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 7091303.21 ngày 10/12/2021 là 1.087.193.496, đồng, trong đó: tiền nợ gốc: 732.950.000 đồng, lãi trong hạn: 90.299.805, lãi quá hạn: 263.943.691 đồng nên phía nguyên đơn yêu cầu buộc ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A phải thanh toán ngay cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày ngày 30/9/2025 là: 1.258.621.184 (một tỷ hai trăm năm mươi tám triệu sáu trăm hai mươi một nghìn một trăm tám mươi bốn) đồng và buộc ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn, phí kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 7091303.21 ngày 10/12/202, khế ước nhận nợ ngày 10/12/2021 và Đơn đề nghị phát hành thẻ ngày 07/01/2022 là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Cụ thể ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.758.636 (bốn mươi chín triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi sáu) đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đã nộp là 22.178.426 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh) theo biên lai số 0079365 ngày 17/01/2025.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 1.258.621.184 (một tỷ hai trăm năm mươi tám triệu sáu trăm hai mươi một nghìn một trăm tám mươi bốn) đồng.

2. Buộc ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn, phí kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số 7091303.21 ngày 10/12/202, khế ước nhận nợ ngày 10/12/2021 và Đơn đề nghị phát hành thẻ ngày 07/01/2022.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Hữu H và bà Lê Thị Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.758.636 (bốn mươi chín triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi sáu) đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đã nộp là 22.178.426 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh) theo biên lai số 0079365 ngày 17/01/2025.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7a, 7b, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Dương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV2- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV2- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng